

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD	7:25	19	0		14	0	
2		CLO+P4	7:25	9+13	0+0		8+1	0+0	
3		TD1	7:25	22	0		22	0	
4		CLO	7:25	22	0		12	0	
5		PPD+VSP02	9:25	21+1	0+0		21+0	0+0	
6		CTK3+GTCl	9:25	16+6	0+0		14+5	0+0	
7		BK16+CTK3	9:25	7+15	0+0		5+14	0+0	
8		AMD+PPD	11:25	4+18	0+0		2+3	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	TO: AMD	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CÔNG - TRƯỜNG	ETA: 09:15
XANH-I			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH BICH NGOC	AMD	26-28	3	15		68	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC LAM	AMD	13	1	10	6	72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN LE HOA	AMD	31	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH KHOA	AMD	18	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC TUAN	AMD	34	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	AMD	19	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUC THIEN	AMD	15	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LY CAO THANG	AMD	36	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN HANH	AMD	24-25	2	12		58	HLJOC	Vietnamese
11	TRAN HAI NAM	AMD	21-22	2	12		60	HLJOC	Vietnamese
12	TANG XUAN CHIN	AMD	29-30	2	13		64	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYEN NINH BINH	AMD	23	1	10		70	WOGC	Vietnamese
14	HUYNH PHUC AM	AMD	37	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	35	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LE PHAN NGOC CHAU	AMD	38	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HA	AMD	32-33	2	9		54	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG THANH	AMD	16-17	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TAN	AMD	39	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	26	160	1.252	6	16		
TOTAL		19	26	160	1.252	6	16		
WEIGHT KG				160	1.252	6			

GRAND TOAL: 1.418 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: CLO - P4	CREW: CHIẾN - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO NGỌC HOÀN	CLO	65	1	7	60	88	KHOAN	Vietnamese
2	VUÔNG NGỌC HOÀN	CLO	50	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ HAI LONG	CLO	72,78	2	13		76	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	69-70	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN THÔNG	CLO	71	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	CLO	66	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	68	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	67	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	60	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẠO VĂN KHOI	CLO	64	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM QUANG THƠM	P4	04	1	8		65	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
12	LÊ TIẾN TRÌNH	P4	01	1	14		55	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KIỆU	P4	14-15	2	10		70	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
14	TÔNG NGUYỄN NAM	P4	19-20	2	13	19	79	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
15	MAI VĂN SƠN	P4	12-13	2	17		95	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
16	TÔNG NGUYỄN CUONG	P4	16-17	2	11		84	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG THÔNG	P4	02-03	2	13		75	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
18	NGUYỄN THAI BÌNH	P4	06-07	2	10		69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HIẾN	P4	08-09	2	20	30	80	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH NGỌC	P4	10-11	2	20		94	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	P4	18	1	11		65	BIÊN ĐƠN	Vietnamese
22	PHAN VĂN MINH	P4	05	1	8		64	BIÊN ĐƠN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	12	78	704	60	8		
2	P4	12	20	155	895	49	1		
TOTAL		22	32	233	1.599	109	9		
WEIGHT KG				233	1.599	109			

GRAND TOAL: 1.941 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	TO: TD1	CREW: TTrung - Linh - PTUẤN	ETA: 09:20
CAM-1			

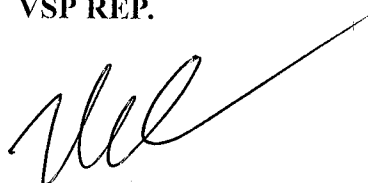
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MINH TUẤN	TD1	63	1	4	20	67	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	21	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	66	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN KIẾN	TD1	18	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TÚ NAM	TD1	73	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐÔI	TD1	71	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THAI	TD1	67	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	70	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	20	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN ĐIỆN	TD1	62	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	24	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	22-23	2	8		76	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SÁNG	TD1					63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	72	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ QUY VINH	TD1	76	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
16	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	25,69	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ MINH PHƯƠNG	TD1	19	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	TD1	68,17	2	18		84	CODIEN	Vietnamese
19	ĐỖ MINH HOÀNG	TD1	74	1	10		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HÀM CHUNG	TD1	61	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN NGỌC	TD1	65	1	3		78	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	64	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

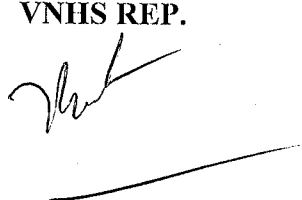
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	24	145	1.595	20	22		
TOTAL		22	24	145	1.595	20	22		
WEIGHT KG				145	1.595	20			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

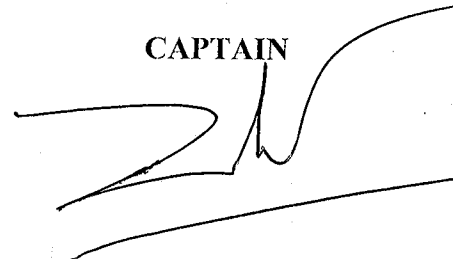
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2024	TO: CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU THANG	CLO	10	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
2	TU' QUOC VIET	CLO	33	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CONG BANG	CLO	38	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN TUAN	CLO	34	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DOAN SUU	CLO	39	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN LUAN	CLO	41	1	2	35	67	KHOAN	Vietnamese
7	LE HUYNH TRUNG	CLO	29	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN MANH	CLO	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG MAO	CLO	27	1	10	14	75	BAKER HU	Vietnamese
10	NGUYEN QUYET QUYNH	CLO	31-32	2	20		65	BAKER HU	Vietnamese
11	DO GIA LUONG	CLO	30	1	10		104	BAKER HU	Vietnamese
12	TRAN VAN GIANG	CLO	35	1	6		73	DVL	Vietnamese
13	DO VAN DINH	CLO	20	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN BA DIEN	CLO	36	1	15	15	80	XAYLAP	Vietnamese
15	LE XUAN TUNG	CLO	12	1	10	15	78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN DINH THANG	CLO	21-22	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LE XUAN HAI	CLO	16-17	2	20		88	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH THANH	CLO	18-19	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VAN MANH	CLO	11	1	17		69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HAI	CLO	23-24	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN HUY THUONG	CLO	14-15	2	16		85	XAYLAP	Vietnamese
22	DANG XUAN THANG	CLO	25	1	10	13	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	28	242	1.615	92	12		
TOTAL		22	28	242	1.615	92	12		
WEIGHT KG				242	1.615	92			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: PPD - VSP02	CREW: TTrung - Linh - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

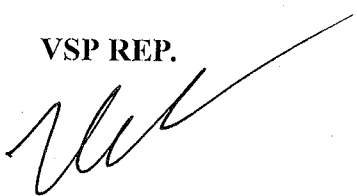
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH NGOC BICH	PPD	77	1	8	10	78	YTE	Vietnamese
2	ĐO DUY LICH	PPD	71	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG DAI THANG	PPD	82	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THANH KIM	PPD	79	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HA	PPD	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	69	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HIEU	PPD	68	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ HỒ HAI	PPD				50	65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN ANH	PPD	67	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG XUAN HAI	PPD	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO HUU NAM	PPD	72	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VU ĐỨC TON	PPD	80	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH THANG	PPD	83	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET DUNG	PPD	65-66	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG VAN TANG	PPD	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO VIET ANH	PPD	75	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO MANH HUY	PPD	70	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HOAI BAO	PPD	64	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SON	PPD	87	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGOC DUNG	PPD	63	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG HOANG	PPD	81	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN THANH THINH	VSP02	48-49	2	10		70	DKVN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

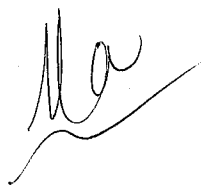
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	21	142	1.459	60	21		
2	VSP02	1	2	10	70	0	0		
TOTAL		22	23	152	1.529	60	21		
WEIGHT KG				152	1.529	60			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

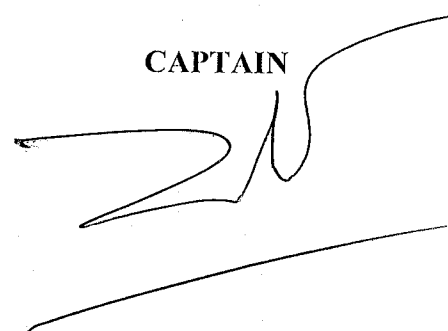
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - GTC1	CREW: CHIẾN - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH QUOC HUY	CTK3	57	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
2	VU CONG KHANG	CTK3	47	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN DU	CTK3	45	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HONG ANH	CTK3	48	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	60	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BA HUE	CTK3	55	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH CHUNG	CTK3	49	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO QUANG THANG	CTK3	50	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUU HUAN	CTK3	56	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAM	CTK3	51	1	11		67	YTE	Vietnamese
11	LE HONG CUONG	CTK3	52-53	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	54	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	59	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAM VAN THANH	CTK3	46	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN SON HA	CTK3	58	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN TUYEN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM XUAN VINH PHUC	GTC1	50-51	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN HUNG	GTC1	49	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	GTC1	47	1	14	9	59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGHIA TIN	GTC1	52	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
21	KIEU VAN TUAN	GTC1	44-46	3	19	40	79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	16	108	1.068	0	14		
2	GTC1	5	8	59	362	49	5		
TOTAL		21	24	167	1.430	49	19		
WEIGHT KG				167	1.430	49			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	TO: BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

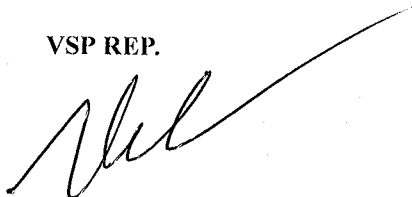
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN KHANG	BK16	43	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM CUÔNG	BK16	41	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THẮNG	BK16	40	1	3	15	78	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	39	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN CHUNG	BK16	37-38	2	15		78	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	BK16	34-36	3	20		70	ANTOAN	Vietnamese
7	HOANG THAI LONG	BK16	42	1	5		55	PSV	Vietnamese
8	PHÙNG ĐÌNH HAI	CTK3	66,58	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	11-12	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	CTK3	04	1	12	30	85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG DƯ KHÁNH	CTK3	09	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	13,40	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	10	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	78	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ BẢO AN	CTK3	08	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU HÀ	CTK3	49	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	50	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3	53	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
20	CU XUÂN HUY	CTK3	67	1	8		63	HVJOC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BAO	CTK3	47	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	65	1	9		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

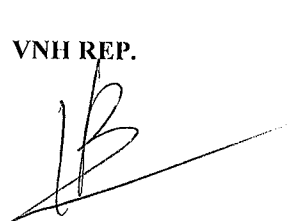
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	7	10	56	510	15	5		
2	CTK3	15	17	156	1.112	30	14		
TOTAL		22	27	212	1.622	45	19		
WEIGHT KG				212	1.622	45			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

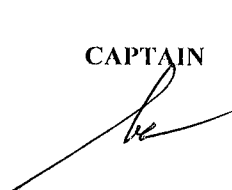
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: AMD - PPD	CREW: Nam - Son - MQUÂN	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	43-46	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	42	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	AMD	40	1	3		56	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH MINH	AMD	41	1	6		56	PSV	Vietnamese
5	VŨ ANH TUÂN	PPD	88-89	2	13		69	CODIEN	Vietnamese
6	PHAN HUY HOANG	PPD	28-29	2	14	35	72	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HỒNG	PPD	30	1	10		72	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THUY	PPD	31-32	2	13		51	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC TIỆP	PPD	99	1	15		67	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
10	NGUYỄN CẢNH TOÀN	PPD	96	1	11		66	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	PPD	97	1	7		53	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
12	NGUYỄN H HAI NAM	PPD	90	1	18		61	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
13	ĐINH MẠNH SƠN	PPD	98	1	11		61	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
14	NGO SỸ TRINH	PPD	91	1	8		56	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
15	TRỊNH VỊ QUÂN	PPD	41-42	2	15		57	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
16	VŨ VĂN HUY	PPD	33	1	13		56	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PPD	34-35	2	19		49	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	PPD	95	1	8		61	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
19	BUI HUU LAN	PPD	92	1	5		72	KHI	Vietnamese
20	DO TIEN THANH	PPD	36-37	2	14		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN ANH	PPD	38-40	3	17		57	KHI	Vietnamese
22	PHAM VAN DUC	PPD	93-94	2	17		76	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	5	20	250	0	0		
2	PPD	18	27	228	1.121	35	3		
TOTAL		22	32	248	1.371	35	3		
WEIGHT KG				248	1.371	35			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+TD2+P7	7:25	8+14	0+0		8+14	0+0	CHUYEN 1 RCDM-P7
2		RP3+VSP02	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
3		RC10+RP1	7:25	10+12	0+0		0+15	0+0	
4		VSP02	9:25	22	0		22	0	
5		RC5+RC6	9:25	14+8	0+0		6+4	0+0	
6		RC4+TD2	9:25	10+12	0+0		6+6	0+0	
7		RP1+RP3	11:25	11+11	0+0		10+11	0+0	
8		P7+TD3+VSP02	11:25	9+2+11	0+0+0		0+0+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người RCDM về đi P7

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RCDM - TD2 - P7	CREW: TTrung - N.ANH - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

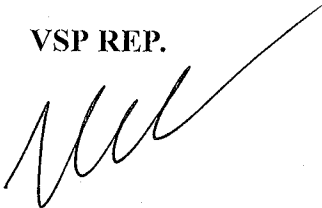
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRÍ NĂNG	RCDM	44-45	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	51	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ MINH HIỀN	RCDM	46	1	4	18	82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	47	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KIỂM BẮC	RCDM	53-54	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC ANH	RCDM	50	1	13		90	ANTOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN TÌNH	RCDM	48-49	2	20		60	ANTOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	52	1	5		72	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN PHONG	TD2	63	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
10	DOROSHENKO MAXIM	TD2	52	1	10		98	KHOAN	Russian
11	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	57	1	8	15	82	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	50	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	59	1	4	50	59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM LÊ NAM	TD2	60	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	49	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ THANH QUANG	TD2	55	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG HẢI BĂNG	TD2	53	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HẢI SƠN	TD2	51	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ CHI CÔNG	TD2	56	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
20	MAI ĐỨC THÂN	TD2	54	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
21	BUI SY TRƯỞNG	TD2	58	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM SY NGỌC MINH	TD2	61	1	7		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	11	77	605	18	7	41	CHUYEN 1 RCDM SANG P7
2	TD2	14	14	95	1.039	65	14		
3	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	172	1.644	83	21		
WEIGHT KG				172	1.644	83			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2024	TO: RP3 - VSP02	AIRCRAFT: 410 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - PTUÁN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	RP3	53	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	66	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	VOEVORDCHENKOV	RP3	60	1	6		100	KH-THAC	Russian
4	PHAM HUU THANH	RP3	61	1	5	55	80	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI NGOC THIET	RP3	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM QUANG TRUNG	RP3	67	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	70-71	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ANH SON	RP3	54	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG QUANG THƯƠNG	RP3	56	1	3	25	66	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ DUY TIEN	RP3	78	1	10	30	77	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	65	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN MINH	RP3	69	1	10		100	YTE	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	64	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC OANH	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ANH	RP3	55	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAT THANH	RP3	59	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	VU THANH	RP3	62	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
19	IADAN E. A.	VSP02	57-58	2	17		86	KH-THAC	Russian
20	GURIN V. V.	VSP02	60	1	4		105	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	61	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DINH TRUONG PHI	VSP02	59	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	18	121	1.349	110	18		
2	VSP02	4	5	39	331	0	4		
TOTAL		22	23	160	1.680	110	22		
WEIGHT KG				160	1.680	110			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RC10 - RP1	CREW: Linh - XTrường - N Nam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHIÊU	RC10	41	1	10	30	61	XAYLAP	Vietnamese
2	LE NHƯ HUÂN	RC10	38	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TOÀN	RC10	36-37	2	19		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRẦN VINH	RC10	46	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG QUYNH	RC10	44-45	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN ĐOÀN	RC10	35	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NGÂN	RC10	42-43	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI KHÁC THUY	RC10	39-40	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN THỂ NGUYỄN	RC10	33	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN QUÝ HIẾU	RC10	34	1	7	19	75	XAYLAP	Vietnamese
11	TSOPANOV A.V	RP1	35	1	9		98	KH-THAC	Russian
12	KOROGHLUYEV R.	RP1	34	1	6		77	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	RP1	37	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	38	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
17	TAO QUANG NGÂN	RP1				12	57	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	39	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH HIẾU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	41	1	5	16	77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	40	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BẮC HÀ	RP1	36	1	8	12	56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	10	14	137	672	49	0		
2	RP1	12	8	49	884	40	17		
TOTAL		22	22	186	1.556	89	17		
WEIGHT KG				186	1.556	89			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: VSP02	CREW: TTrung - N.ANH - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐỨC TRÍ	VSP02	65	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	60	1	9	40	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	56	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	47	1	13		98	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	46	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VĂN PHU	VSP02	62	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	70	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	55	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	63	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	69	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ DUY KHIÊM	VSP02	45	1	5		70	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	VSP02	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	52-53	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	50-51	2	10		99	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	54	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	67	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	66	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	68	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	64	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	57-58	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	24	133	1.581	40	22		
TOTAL		22	24	133	1.581	40	22		
WEIGHT KG				133	1.581	40			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2024	TO: RC5 - RC6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTrung - NNam	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV	RC5					74	KH-THAC	Russian
2	TRINH VAN TIEN	RC5	82	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG MINH KHANH	RC5	78	1	7	10	59	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TRUNG	RC5	81	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG TUNG	RC5	83	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG KHOI NGUYEN	RC5	79	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN ĐUC HUNG	RC5	87	1	15	46	74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM MINH VU	RC5	94-95	2	17		79	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN MANH HUNG	RC5	96-97	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO TRUNG KIEN	RC5	85-86	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HONG QUAN	RC5	88-89	2	19		85	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MANH LINH	RC5	90-91	2	19		74	XAYLAP	Vietnamese
13	LE CONG CHINH	RC5	92-93	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI TRUNG SON	RC5	84	1	7		71	PSV	Vietnamese
15	LE ĐUC THIEN	RC6	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	DO VAN TUNG	RC6	76	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LINH	RC6	71	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN TRUONG	RC6	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TRONG HIEU	RC6	75	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH CONG	RC6	75	1	12	20	59	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG THE HAI	RC6	73	1	5	18	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUY HOANG	RC6	78	1	7		86	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	14	19	165	1.040	56	6		
2	RC6	8	8	55	572	38	4		
TOTAL		22	27	220	1.612	94	10		
WEIGHT KG				220	1.612	94			

GRAND TOAL: 1.926 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2024	TO: RC4 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - NNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	95	1	6	20	62	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN TUNG	RC4	94	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH DUNG	RC4					78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HAI ANH	RC4	93	1	10	9	74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN ĐẠT	RC4	91-92	2	15	9	69	NAM TIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY DUNG	RC4	89	1	5		84	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TUÂN KIẾT	RC4	90	1	8		75	NAM TIEN	Vietnamese
8	VÔ HOÀNG QUAN	RC4	87	1	6		79	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THANH	RC4	88	1	12		58	NAM TIEN	Vietnamese
10	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	04	1	3		65	PSV	Vietnamese
11	ĐINH VĂN TÀI	TD2	03	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
12	HA VAN LINH	TD2	08	1	9		95	KHOAN	Vietnamese
13	MAI TUÂN KIẾT	TD2	06	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	07	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ TRỌNG HAI	TD2	10-11	2	19		80	YTE	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC NGỌC	TD2	12	1	13		73	PVDWS	Vietnamese
17	HỒ TRỌNG ĐÔNG	TD2	13	1	8		81	PVDWS	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHIEM	TD2	800	1	12		74	D-HANH	Vietnamese
19	HUYNH VĂN THUẬN	TD2	04-05	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH NAM	TD2	09	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ CÔNG TẠNH	TD2	01	1	3		65	PSV	Vietnamese
22	PHẠM ĐỨC CÀNH	TD2	02	1	4	10	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	10	10	72	718	38	6		
2	TD2	12	14	102	881	10	6		
TOTAL		22	24	174	1.599	48	12		
WEIGHT KG				174	1.599	48			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: RP1 - RP3	CREW: TTrung - N.ANH - Tú	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY XUAN TRUNG	RP1	70.01	2	15		66	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN DOAN DUC	RP1	69	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	67	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH VAN MANH	RP1	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN THIUY	RP1	02-03	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN SUU	RP1					76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA QUY	RP1	63	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC DUNG	RP1	68	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LOI	RP1	66	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	RP1	64	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	61-62	2	11		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HAI	RP3	27	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH CONG	RP3	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN	RP3	32-33	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG XUAN HUNG	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE DUC HUY	RP3	30	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU THANH LONG	RP3	24	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TU HAI	RP3				70	67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CONG	RP3	29	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN HIEN	RP3	31	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM THE PHONG	RP3	26	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DOAN THANH	RP3	28	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	11	13	93	782	0	8		
2	RP3	11	10	44	762	70	11		
TOTAL		22	23	137	1.544	70	19		
WEIGHT KG				137	1.544	70			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lieu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2024	TO: P7 - TD3 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTrung - NNam	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC LINH	P7	35-36	2	20	3	60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	VÕ ĐÌNH HÙNG	P7	42-43	2	19	70	65	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MAI	P7	44	1	9		67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VINH TINH	P7	37-38	2	10		55	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	PHAN VĂN THANH	P7	41	1	9		60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN H. VUÔNG SƠN	P7	40	1	9		50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VÂN	P7	34	1	8		65	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	BUI VĂN DŨNG	P7	39	1	10		70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	ĐINH CHI CÔNG	TD3	68	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	67	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	87	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	96	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH THẾ ANH	VSP02	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	VSP02	75	1	8		60	ANTOAN	Vietnamese
16	CAO KINH THAO	VSP02	90-91	2	20		72	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU ĐỨC	VSP02	92-93	2	20	3	80	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02					81	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	76	1	4		60	PSV	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	89	1	4		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VU BA LINH	VSP02	94	1	3		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TIN	VSP02	88	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	8	11	94	492	73	0		
2	TD3	2	2	19	136	0	1		
3	VSP02	12	13	84	855	3	12		
TOTAL		22	26	197	1.483	76	13		
WEIGHT KG				197	1.483	76			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TGTH5+TD3+BK5	7:25	3+19+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
2		TD5+TD3	7:25	20+2	0+0		19+2	0+0	
3		AMD+TGTH4	9:25	17+5	0+0		17+4	0+0	
4		P1+P9	9:25	17+5	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: TGTH5 - TD3 - BK5	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 09:25
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN MINH KIEN	TGTH5	98	1	7		68	HLJOC	Vietnamese
2	THAI THANH THAO	TGTH5	99	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM ANH ĐỨC	TGTH5	97	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THĂNG	TD3	33-34	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NGOC NGHIA	TD3	37	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN XUAN KY	TD3	35-36	2	8		90	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN TRUC TUYEN	TD3	30	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
8	VÔ NGUYEN KHANG	TD3	41	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG HUY LONG	TD3	29	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	44	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	38	1	11	18	80	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN TUAN	TD3	26-27	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HỮU KẾ	TD3	24-25	2	9		84	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TIẾN LỤC	TD3	40	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
15	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	32	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG MINH PHUC	TD3	43	1	8		83	KHOAN	Vietnamese
17	PHÙNG VĂN XUYỀN	TD3	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DANH NHỎ	TD3	31	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUÂN	TD3	22-23	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH TIEN	TD3	42	1	9		91	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN QUỐC KHÁNH	TD3	18-20	3	20		83	YTE	Vietnamese
22	TẠ HOÀI TRANG	TD3	21	1	17		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	3	23	216	0	3		
2	TD3	19	26	168	1.392	18	17		
3	BK5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	29	191	1.608	18	22		
WEIGHT KG				191	1.608	18			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2024	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - THỤ	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRỊNH HOANG KHÁNH	TD5	31	1	6	60	87	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐÌNH	TD5	30	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	29	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	24	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN ĐIỀU	TD5	11	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT DUNG	TD5	18-19	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VINH CUÔNG	TD5	26	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TÂN BÌNH	TD5	27	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHUNG QUÊ	TD5	09	1	3	8	70	KHOAN	Vietnamese
10	LE VIỆT THĂNG	TD5	21	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HOANG LAM	TD5	13-14	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	20	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
13	LE TIEN DUNG	TD5	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NHƯ THANH TUYỀN	TD5	22	1	10	17	67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN SỸ LÊ	TD5	32-33	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
16	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	25	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
17	HA THANH TÙNG	TD5	12	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	28	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	15-16	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ XUÂN	TD5	17	1	12		90	ANTOAN	Vietnamese
21	LE THANH TU	TD3	65	1	8		75	DVL	Vietnamese
22	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	66	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	24	135	1.472	85	19		
2	TD3	2	2	15	145	0	3		
TOTAL		22	26	150	1.617	85	22		
WEIGHT KG				150	1.617	85			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 03	TO: AMD - TGTH4 - P1	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MINH KHA	AMD	56	1	4		62	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN AN	AMD	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	49	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC THU	AMD	61	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ĐỨC TÂM	AMD	58	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRẦN LIÊM	AMD	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	64	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TẶNG XUÂN HAI	AMD	65	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TAN	AMD	62	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	66	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG HO NGHIA	AMD	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU XUÂN ĐỨC	AMD	53-54	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	59-60	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	AMD	45-47	3	19		65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM HẠN VŨ	AMD	50-51	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	80-81	2	19		95	HLJOC	Vietnamese
19	LE THANH DANH	TGTH4	82	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VINH QUANG	TGTH4	78-79	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	85-86	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH4	83-84	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	22	131	1.204	0	17		
2	TGTH4	5	9	65	366	0	4		
3	P1	0	0	0	0	54	0		
TOTAL		22	31	196	1.570	54	21		
WEIGHT KG				196	1.570	54			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/02/2024	TO: P1 - P9 - CLI	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - THU	ETA: 11:40
XANH - 2			

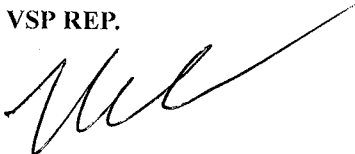
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN QUYEN	P1					61	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN XUAN LOC	P1	41-42	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
3	HA THIEN HUE	P1	27-28	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VIET HUU	P1	26	1	18		61	XAYLAP	Vietnamese
5	LE PHUONG VIET ANH	P1	35-36	2	13		76	XAYLAP	Vietnamese
6	LE MINH KHANH	P1	39-40	2	23		86	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN TIEN DUNG	P1	44	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC MINH	P1	22	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUY AN	P1	33-34	2	23		65	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VAN NHIEM	P1	38	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH VAN TU	P1	43	1	8		66	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI XUAN QUANG	P1	29-30	2	23		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MANH	P1	31-32	2	26		58	XAYLAP	Vietnamese
14	VO THANH NHAN	P1	20-21	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC PHAT	P1	18-19	2	23		68	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO DUC DONG	P1	23	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI HONG SANG	P1	24	1	15	18	96	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HUNG	P9	99	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
19	VU CHI KIEN	P9	96	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN HIEP THO	P9	97-98	2	18		69	DUY LINH	Vietnamese
21	HUYNH THANH TOAN	P9	70,400	2	10		76	DUY LINH	Vietnamese
22	VO VAN HAI	P9	02,69	2	16		70	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	25	278	1.171	18	0		
2	P9	5	8	64	369	0	0		
3	CLI	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	33	342	1.540	18	2		
WEIGHT KG				342	1.540	18			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

